

Số: 09/QĐ - TDTTĐN

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 2 năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 18/7/2025 của Hội đồng trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Theo đề nghị của trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ chi phí học tập cho 25 sinh viên là dân tộc thiểu số hộ nghèo, cận nghèo năm 2026, được hưởng bằng 60% mức lương cơ sở trong 05 tháng/năm 2026/sinh viên. (Danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên, bộ phận Tài vụ, các phòng, khoa, Trung tâm, bộ môn liên quan và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (B/c);
- Khoa GDTC, HLTT, QLTT;
- BP. Tài vụ, P.ĐTBĐCLGD;
- Website trường;
- Lưu VT, CTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thanh Hải



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo quyết định số: 609/QĐ-TDĐTĐN ngày 07 tháng 5 năm 2026
của Hiệu Trưởng trường Đại học TĐTT Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Mã thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng
1	Hồ Bảo Nguyên	18K5302257	01/02/2006	ĐH-18/07	DT Bru – Vân Kiều, hộ cận nghèo 2026
2	Alăng Linh	18K5302251	26/01/2006	ĐH-18/07	DT Cơ Tu; Hộ cận nghèo 2026
3	Lo Quốc Hưng	16K1302008	29/11/2004	ĐH-16/03	DT Thái, hộ cận nghèo 2026
4	BnướcH Niêm	18K5302301	27/05/1997	ĐH-18/08	DT Cơ Tu, hộ cận nghèo 2026
5	Blúp Kiều	18K3206104	19/10/2006	ĐH-18/08	DT Cơ Tu, hộ nghèo 2026
6	Lê Văn Thành	16K1206480	15/10/2001	ĐH-16/01	DT H Mông, hộ cận nghèo 2026
7	Abing Vững	18K5302285	15/02/2006	ĐH-18/07	DT Cơ Tu, hộ cận nghèo 2026
8	Hóih Xuân	17K5302061	10/06/2004	ĐH-17/03	DT Cơ tu, hộ nghèo 2026
9	A Lăng Nam Phi	17K5302056	14/12/2004	ĐH-17/03	DT Cơ Tu, hộ nghèo 2026
10	Nguyễn Xuân Phúc	17K5302028	22/04/2005	ĐH-17/02	DT Cơ tu, hộ nghèo 2026
11	Kring Trãi	17K5301026	01/10/2005	ĐH-17/01	DT Gié Triêng, hộ nghèo 2026
12	Hồ Hiếu Thiên	18K5301040	21/12/2006	ĐH-18/10	DT Gié Triêng, hộ nghèo 2026
13	Triệu An Nhật	K19HLTT477	02/09/2007	K19HLTT.5	DT Nùng, hộ cận nghèo 2026
14	Dương Chi Anh	K19HLTT695	08/10/2007	K19HLTT.7	DT Nùng, hộ cận nghèo 2026
15	Zorâm Thị Phương	K19HLTT354	17/10/2005	K19HLTT.4	DT Cơ Tu, hộ nghèo 2026
16	Hà Ngọc Khánh Duy	K19HLTT030	14/09/2007	K19HLTT.1	DT Thái, hộ nghèo 2026
17	Lang Thanh Bảo	K19HLTT014	28/04/2007	K19HLTT.1	DT Thái, hộ cận nghèo 2026

ka

18	A Nhân	K19HLTT133	16/05/2007	K19HLTT.2	DT Gia Rai, hộ cận nghèo 2026
19	Lữ Trọng Tấn	K19HLTT374	29/03/2007	K19HLTT.4	DT Thái, hộ nghèo 2026
20	A Trường Vũ	18K3206029	17/09/2006	ĐH-18/03	DT Dẻ, hộ nghèo 2026
21	Puih A Dăm Yiêk	16K1302173	28/01/2004	ĐH-16/07	DT Gia Rai, hộ cận nghèo 2026
22	Y Hồng	16K1206009	18/03/2004	ĐH-16/01	DT Xơ Đăng; Hộ nghèo 2026
23	Bling Bới	18K5302164	11/05/1993	ĐH-18/05	DT Cơ Tu, hộ nghèo 2026
24	Lô Tiến Hưng	K19HLTT087	17/03/2007	K19HLTT.1	DT Thái, hộ cận nghèo 2026
25	Trần Văn Châng	16K1206003	03/12/2004	ĐH-16/01	DT Cadong, hộ cận nghèo 2026